

Số 13 /BC-VTTC-HĐQT

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM 2015

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO phát hành ngày 26/02/2016;

Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin báo cáo Đại hội đồng cổ đông một số chỉ tiêu chính trên Báo cáo Tài chính năm 2015, như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	31/12/2015	31/12/2014
A	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
I	Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	649.715	347.419
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110 - BCĐKT	20.550	58.094
2	Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120 - BCĐKT		
3	Các khoản phải thu	130 - BCĐKT	448.444	171.630
4	Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	175.752	113.726
5	Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	4.969	3.972
II	Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	32.354	33.942
1	Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	501	250
2	Tài sản cố định	220 - BCĐKT	8.049	9.176
-	Nguyên giá	BCĐKT	28.365	29.821
-	Giá trị hao mòn lũy kế	BCĐKT	-20.316	-20.645
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 - BCĐKT	1.155	
4	Các khoản đầu tư TC dài hạn	250 - BCĐKT		
5	Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	22.649	24.515
III	Nợ phải trả	300 - BCĐKT	638.591	339.476
1	Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	634.893	331.291
2	Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	3.698	8.185
IV	Vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	43.477	41.884
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	25.001	25.001
	Trong đó: vốn góp của nhà nước		9.000	16.970
2	Thặng dư vốn cổ phần	412 - BCĐKT		
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413 - BCĐKT		
4	Cổ phiếu ngân quỹ	414 - BCĐKT		
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416 - BCĐKT		
6	Quỹ đầu tư phát triển	418 - BCĐKT	18.276	16.639
7	Lợi nhuận chưa phân phối	421 - BCĐKT	11	8
8	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432 - BCĐKT	190	237

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	31/12/2015	31/12/2014
B	KẾT QUẢ KINH DOANH		Năm 2015	Năm 2014
1	Tổng doanh thu		1.782.115	931.516
-	Doanh thu bán hàng, dịch vụ	10 - BCKQHĐKD	1.772.420	928.586
-	Doanh thu tài chính	21 - BCKQHĐKD	5.742	2.062
-	Thu nhập khác	31 - BCKQHĐKD	3.954	868
2	Tổng chi phí		1.770.589	921.410
-	Giá vốn bán hàng, dịch vụ	11 - BCKQHĐKD	1.609.816	781.431
-	Chi phí tài chính	22 - BCKQHĐKD	19.352	10.013
-	Chi phí bán hàng	25 - BCKQHĐKD	106.391	102.704
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 - BCKQHĐKD	31.854	26.760
-	Chi phí khác	32 - BCKQHĐKD	3.176	503
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	50 - BCKQHĐKD	11.527	10.106
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60 - BCKQHĐKD	8.961	7.858
5	Tổng số thuế, phí phải nộp ngân sách trong năm		183.397	100.084
C	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
1	Tỷ suất lợi LN trước thuế / Tổng doanh thu (%)		0,65%	1,08%
2	Lợi nhuận trước thuế / vốn chủ sở hữu (%)		26,64%	24,27%
3	Tổng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu (lần)		14,76	8,15
4	Tổng quỹ lương		32.134	30.074
5	Số lao động bình quân (người)		288	290
6	Tiền lương bình quân/tháng		9,30	8,64
7	Xếp loại doanh nghiệp		A	A

Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại - Vinacomin kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu KTTT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bé Quang Bình